

SDUSD Vision 2030/Graduate Profile/LCAP Stakeholder Input

We would like to work as a community to determine what you feel are the most valuable components of a child's education as they attend our schools. Please take a moment to fill out this survey below:

The input you provide will assist us in developing Vision 2030, our 3 year LCAP and our San Diego Unified Graduate Profile.

* Required

SDUSD Vision 2030/Graduate Profile/LCAP Stakeholder Input



What is your role in our community? / ¿Cuál es tu papel en la comunidad? / Vai trò của bạn trong cộng đồng là gì *

- Parent / Padre / Cha mẹ
- School Staff Member / Personal de la Escuela / Nhân viên nhà trường
- Student / Estudiante / Sinh viên
- Community Member / Miembro de la Comunidad / Thành viên cộng đồng
- Other / Otro(a) / Khác
- Group Response-please list group type below under "other"
- Other:



Cluster / Grupo / đoàn *

- Clairemont
- Crawford
- Henry
- Hoover
- Kearny
- La Jolla
- Lincoln
- Madison
- Mira Mesa
- Mission Bay
- Morse
- Point Loma
- San Diego
- Scripps
- Serra
- University City

Graduate Profile

Specify the cognitive, personal and interpersonal competencies that you feel SDUSD students should have when they graduate.

Especifique las competencias cognitivas, personales y interpersonales que cree que los estudiantes de SDUSD deberían tener cuando se gradúen.

Chỉ định các năng lực nhận thức, cá nhân và giữa các cá nhân mà bạn cảm thấy sinh viên SDUSD nên có khi tốt nghiệp.



1. What are the most important cognitive skills that our students should develop across all subject areas and grade levels? / ¿Cuáles son las habilidades cognitivas más importantes que nuestros estudiantes deben desarrollar en todas las materias y niveles de grado? / Các kỹ năng nhận thức quan trọng nhất mà học sinh của chúng ta nên phát triển trên tất cả các môn học và cấp lớp là gì?

Please choose a maximum of FIVE options below: / Elija un máximo de CINCO opciones a continuación: / Vui lòng chọn tối đa các tùy chọn SỐ NĂM bên dưới:

- analyzing multiple sources of information / analizar múltiples fuentes de información / phân tích nhiều nguồn thông tin
- creativity and innovation / creatividad y innovación / sáng tạo và cải tiến
- critical thinking and problem solving / pensamiento crítico y resolución de problemas / tư duy phê phán và giải quyết vấn đề
- mastery of content information (e.g. math facts, historical data, literature, scientific theories) / dominio de la información del contenido (por ejemplo, hechos matemáticos, datos históricos, literatura, teorías científicas) / nắm vững thông tin nội dung (ví dụ: sự kiện toán học, dữ liệu lịch sử, tài liệu, lý thuyết khoa học)
- mastery of skills (e.g. reading, writing, calculating, scientific method) / dominio de las habilidades (por ejemplo, lectura, escritura, cálculo, método científico) / nắm vững các kỹ năng (ví dụ: đọc, viết, tính toán, phương pháp khoa học)
- public speaking and presentation skills / hablar en público y habilidades de presentación / kỹ năng nói và trình bày trước công chúng
- self-assessment and revision for improvement of student work / autoevaluación y revisión para mejorar el trabajo del alumno / tự đánh giá và sửa đổi để cải thiện công việc của sinh viên
- technological literacy and 21st century learning / literatura tecnológica y aprendizaje del siglo 21 / kiến thức công nghệ và học tập thế kỷ ngày 21
- biliterate or multilingual
- Other:



2. Which social/interpersonal skills should be fostered at school? / ¿Qué habilidades sociales/interpersonales se deben adoptar en la escuela? / Những kỹ năng xã hội / cá nhân nào cần được bồi dưỡng ở trường?

Please choose a maximum of FIVE options below: / Elija un máximo de CINCO opciones a continuación: / Vui lòng chọn tối đa các tùy chọn SỐ NĂM bên dưới:

- accountability / responsabilidad / trách nhiệm giải trình
- civic responsibility / responsabilidad cívica / trách nhiệm dân sự
- collaboration / colaboración / hợp tác
- communication / comunicación / giao tiếp
- digital citizenship (e.g. responsible online behavior) / ciudadanía digital (por ejemplo, comportamiento responsable en línea) / quyền công dân kỹ thuật số (ví dụ: hành vi trực tuyến có trách nhiệm)
- empathy and kindness / empatía y amabilidad / đồng cảm và lòng tốt
- flexibility and adaptability / flexibilidad y adaptabilidad / tính linh hoạt và khả năng thích ứng
- initiative and self-direction / iniciativa y autodirección / chủ động và tự định
- leadership / leadership / khả năng lãnh đạo
- metacognition: learning how to learn / metacognición: aprender a aprender / siêu nhận thức: học cách học
- productivity / productividad / năng suất
- Other:



3. What important emotional/personal skills should be taught and fostered at school? / ¿Qué habilidades emocionales/personales importantes se deben enseñar y adaptar en la escuela? / Những kỹ năng cảm xúc/cá nhân quan trọng nào cần được dạy và bồi dưỡng ở trường?

Please choose a maximum of FIVE options below: / Elija un máximo de CINCO opciones a continuación: / Vui lòng chọn tối đa các tùy chọn SỐ NĂM bên dưới:

- Self-awareness and self-regulation / Autoconciencia y autorregulación / Tự nhận thức và tự điều chỉnh
- Emotional resiliency / resistencia emocional / khả năng phục hồi tình cảm
- Knowing why my emotions change / saber por qué cambian mis emociones / biết tại sao cảm xúc của tôi thay đổi
- Interpreting other's emotions / interpretando las emociones de otros / giải thích cảm xúc của người khác
- Other:



4. Which experiences do you feel are most invaluable for students? / ¿Qué experiencias crees que son más valiosas para los estudiantes? / Những kinh nghiệm nào bạn cảm thấy là vô giá nhất đối với sinh viên?

Please choose a maximum of FIVE options below: / Elija un máximo de CINCO opciones a continuación: / Vui lòng chọn tối đa các tùy chọn SỐ NĂM bên dưới:

- Advanced Placement courses / Cursos de colocación avanzada / Khóa học nâng cao
- Career and Technical Education pathways / Rutas de carrera y educación técnica / Con đường học vấn và giáo dục kỹ thuật
- College courses on-site for dual high school credit / Cursos universitarios en el sitio para crédito dual de escuela secundaria / Các khóa học đại học tại chỗ cho tín dụng trung học kép
- College courses off-site for dual high school credit / Cursos universitarios fuera del sitio para crédito dual de escuela secundaria / Các khóa học đại học ngoài trường cho tín dụng trung học kép
- Community service projects / Proyectos de servicio comunitario / Dự án dịch vụ cộng đồng
- Extra-curricular activities (e.g. athletics, clubs, etc.) / Actividades extracurriculares (por ejemplo, atletismo, clubes, etc.) / Các hoạt động ngoại khóa (ví dụ: điền kinh, câu lạc bộ, câu lạc bộ, v.v.)
- Foreign Language courses (spanish, french, german, mandarin)
- Honors and Seminar courses / Cursos de honor y seminarios / Các khóa học danh dự và hội thảo
- Internships / Pasantías / Thực tập
- Life skills (e.g. financial literacy, resume writing, etc.) / Habilidades para la vida (por ejemplo, educación financiera, redacción de currículums, etc.) / Kỹ năng sống (ví dụ: biết đọc biết viết, viết tiếp tục, v.v.)
- Middle college pathway (earning AA credits) / Camino de la universidad media (ganar créditos AA) / Con đường đại học trung học (kiếm tín chỉ AA)
- Online learning / Aprendizaje en línea / học trực tuyến
- Project-based learning / Aprendizaje basado en proyectos / Học tập dựa trên dự án
- Visual and Performing Arts programs / Programas de artes visuales y escénicas / Chương trình nghệ thuật thị giác và biểu diễn
- Biliterate or Multi-lingual / Biliterato o Plurilingüe / Song ngữ

Other:

 Owner:

The Center on International Education Benchmarking (CIEB) identified "9 Building Blocks" to ensure a world class education system. Our district LCAP has 6 goals that are closely aligned to these building blocks: Please list what you would like to see SDUSD focus on related to each building block below: / El Centro de Benchmarking de Educación Internacional (CIEB) identificó "9 bloques de construcción" para garantizar un sistema educativo de clase mundial. Nuestro LCAP del distrito tiene objetivos de área que están estrechamente alineados con estos bloques de construcción: Mencione en qué le gustaría que SDUSD se centre en cada bloque de construcción a continuación: / Trung tâm Điểm chuẩn Giáo dục Quốc tế (CIEB) đã xác định "9 khối xây dựng" để đảm bảo hệ thống giáo dục đẳng cấp thế giới. LCAP quận của chúng tôi có các mục tiêu khu vực được liên kết chặt chẽ với các khối xây dựng này: Vui lòng liệt kê những gì bạn muốn thấy SDUSD tập trung vào liên quan đến từng khối tòa nhà bên dưới: Trung tâm Điểm chuẩn Giáo dục Quốc tế (CIEB) đã xác định "9 Khối xây dựng" để đảm bảo một hệ thống giáo dục đẳng cấp thế giới. LCAP quận của chúng tôi có các mục tiêu khu vực được liên kết chặt chẽ với các khối xây dựng này: Vui lòng liệt kê những gì bạn muốn thấy SDUSD tập trung vào liên quan đến từng khối tòa nhà bên dưới:

CIEB link to 9 Building Blocks article <https://drive.google.com/file/d/1UJhIGzJ1IFbKJiwUfx25OzVlz4w7-ix/view?usp=sharing>

Building Block #1: Provide strong supports for children and their families before students arrive at school. / Brinde un fuerte apoyo a los niños y sus familias antes de que los estudiantes lleguen a la escuela. / Tòa nhà số 1: Cung cấp hỗ trợ mạnh mẽ cho trẻ em và gia đình trước khi học sinh đến trường. (LCAP 1,5)

Your answer



Building Block #2: Provide more resources for at-risk students than for others. /
Proporcione más recursos para estudiantes en riesgo que para otros. / Khối xây
dựng số 2: Cung cấp nhiều tài nguyên hơn cho sinh viên có nguy cơ hơn so với
những người khác. (LCAP 1,2,4)

Your answer

Building Block #3: Develop world-class, highly coherent instructional systems. /
Desarrollar sistemas de instrucción de clase mundial y altamente coherentes. /
Tòa nhà số 3: Phát triển các hệ thống giảng dạy đẳng cấp, mạch lạc.(LCAP 2)

Your answer

Building Block #4: Create clear pathways for students through the system, set to
global standards, with no dead ends. / Cree caminos claros para los estudiantes a
través del sistema, establecido en estándares globales, sin callejones sin salida. /
Tòa nhà số 4: Tạo lộ trình rõ ràng cho sinh viên thông qua hệ thống, được đặt
theo tiêu chuẩn toàn cầu, không có ngõ cụt. (LCAP 2)

Your answer

Building Block #5 : Assure an abundant supply of highly qualified teachers. /
Asegurar una abundante oferta de maestros altamente calificados. / Khối xây
dựng số 5: Đảm bảo nguồn cung dồi dào giáo viên có trình độ cao. (LCAP 3)

Your answer



Building Block #6: Redesign schools to be places in which teachers will be treated as professionals, with incentives and support to continuously improve their professional practice and the performance of their students. / Rediseñar las escuelas para que sean lugares en los que los maestros sean tratados como profesionales, con incentivos y apoyo para mejorar continuamente su práctica profesional y el desempeño de sus estudiantes. / Tòa nhà số 6: Thiết kế lại các trường học là nơi giáo viên sẽ được coi là chuyên gia, với các ưu đãi và hỗ trợ để tiếp tục cải thiện thực hành chuyên nghiệp và hiệu suất của học sinh (LCAP 3)

Your answer

Building Block #7: Create an effective system of career and technical education and training. / Cree un sistema efectivo de educación y capacitación profesional y técnica. / Tòa nhà số 7: Tạo ra một hệ thống giáo dục và đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp hiệu quả. (LCAP 2)

Your answer

Building Block #8: Create a leadership development system that develops leaders at all levels to manage such systems effectively. / Cree un sistema de desarrollo de liderazgo que desarrolle líderes en todos los niveles para administrar dichos sistemas de manera efectiva. / Xây dựng khối 8: Tạo một hệ thống phát triển lãnh đạo phát triển các nhà lãnh đạo ở tất cả các cấp để quản lý các hệ thống đó một cách hiệu quả. (LCAP 3+6)

Your answer



Building Block #9: Institute a governance system that has the authority and legitimacy to develop coherent, powerful policies and is capable of implementing them at scale. / Instituir un sistema de gobierno que tenga la autoridad y la legitimidad para desarrollar políticas coherentes y poderosas y que sea capaz de implementarlas a escala. / Xây dựng khối 9: Viện một hệ thống quản trị có thẩm quyền và tính hợp pháp để phát triển các chính sách chặt chẽ, mạnh mẽ và có khả năng thực hiện chúng ở quy mô. (LCAP 1-6)

Your answer

Other / Otro(a) / Khác

Your answer

School Stakeholder Engagement*

This question for use at Cluster Meetings only

Please describe how your school team plans to further inform and gather input from students, teachers, staff, parents, community members? (i.e. Town Hall Meetings, Family Fridays, Social Media, Student panels) / Describa cómo su equipo escolar planea informar y recopilar más información de los estudiantes, maestros, personal, padres, miembros de la comunidad. (es decir, reuniones del ayuntamiento, viernes familiares, redes sociales, paneles de estudiantes) / Vui lòng mô tả làm thế nào nhóm trường của bạn có kế hoạch để thông báo thêm và thu thập đầu vào từ học sinh, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, thành viên cộng đồng? (tức là các cuộc họp tại Tòa thị chính, Thứ sáu gia đình, Truyền thông xã hội, Hội sinh viên)

Your answer



Submit

Never submit passwords through Google Forms.

This form was created inside of San Diego Unified School District. [Report Abuse](#)

Google Forms

